TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM NÔNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 17/02/2025
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG - TỈNH ĐỒNG THÁP

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hùng Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Phúc.

2. Ông Võ Hùng Em.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Văn Đục, Thư ký HùngToà án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Bà Hồ Thị Thuần - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 325/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2024 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2025/QĐST-HNGĐ ngày 22/01/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Lâm Tấn T, sinh năm 1966, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Huỳnh Thị N, sinh năm 1968, có đơn xin giải quyết vắng mặt.

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/10/2024, đơn xin xét xử vắng mặt ngày 15/02/2025, nguyên đơn ông Lâm Tấn T trình bày:

Vợ chồng có tìm hiểu nhau trước một thời gian, được sự chấp thuận của gia đình hai bên có tổ chức đám cưới năm 1995. Không có đăng ký kết hôn, thời gian đầu chung sống có hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vả nhau. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 8/2024 đến nay. Do cuộc sống vợ chồng đã đổ vỡ hoàn toàn không

thể hàn gắn lại được nên ông Lâm Tấn T yêu cầu Toà án giải quyết không công nhận là vợ chồng giữa ông T và bà N.

Về nuôi con: Vợ chồng có hai con chung tên Lâm Thị Cẩm G, sinh ngày 16/02/1996, hiện con đã trưởng thành và Lâm Thị Khả Á, sinh ngày 15/10/2008, hiện con đang sống với ông T, ông T yêu cầu được quyền được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Tài sản chung: Không có; Về nợ: Không có.

Tại văn bản ý kiến ngày 24/12/2024, đơn xin xét xử vắng mặt ngày 27/01/2025 bị đơn bà Huỳnh Thị N trình bày:

Vợ chồng có tìm hiểu nhau trước một thời gian, được sự chấp thuận của gia đình hai bên có tổ chức đám cưới năm 1995. Không có đăng ký kết hôn, thời gian đầu chung sống có hạnh phúc nhưng đến đầu năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vả nhau. Vợ chồng đã ly thân từ tháng 8/2024 đến nay. Do cuộc sống vợ chồng đã đổ vỡ hoàn toàn không thể hàn gắn lại được nên bà N đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông T và đồng ý cho Tòa án giải quyết không công nhận là vợ chồng giữa bà N và ông T.

Về nuôi con chung: Vợ chồng có hai con chung tên Lâm Thị Cẩm G, sinh ngày 16/02/1996, hiện con đã trưởng thành và Lâm Thị Khả Á, sinh ngày 15/10/2008, hiện con đang sống với ông T, bà N đồng ý giao con cho ông T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng con chung, bà N không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Tài sản chung: Không có; Về nợ: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông phát biểu: Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đảm bảo việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng các Điều 9,14,53, 56, 58 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông T và bà N. Về con chung: Giao con chung tên Lâm Thị Khả Á cho ông Lâm Tấn T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bị đơn hiện cư trú tại P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp. Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều có

đơn xin xét xử vắng mặt nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông T và bà N là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn ông T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với bà N và yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung nên quan hệ tranh chấp về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" được quy định điểm a, khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp

[3.1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa ông T và bà N là hoàn toàn tự nguyện và thực tế đã xảy ra nhưng ông, bà không có đăng ký kết hôn theo luật định nên đã vi phạm vào Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý. Do đó nghĩ nên không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông T và bà N là phù hợp với Điều 9, Điều 14 và Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về nuôi con: Trong thời gian chung sống ông T và bà N có sinh được 02 con chung tên Lâm Thị Cẩm G, sinh ngày 16/02/1996 (đã trưởng thành, tự lao động được, không yêu cầu Tòa án giải quyết) và Lâm Thị Khả Á, sinh ngày 15/10/2008. Khi ly hôn, ông T yêu cầu được nuôi Lâm Thị Khả Á, không yêu cầu bà N cấp dưỡng. Xét thấy, bà N cũng đồng ý giao con chung cho ông T nuôi dưỡng, bà N không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, đây là sự tự nguyện thoả thuận của các đương sự, phù hợp với quy định pháp luật. Mặt khác Lâm Thị Khả Á cũng nguyện vọng sống chung với ông T nên chấp nhận giao con chung Lâm Thị Khả Á cho ông T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3] Về chia tài sản: Trong quá trình thu thập chứng cứ, ông T và bà N trình bày: Vợ chồng không có tài sản chung và nợ ai và không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, Nếu sau này giữa ông T và bà N có phát sinh tranh chấp về chia tài sản thì giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát phù hợp với nội dung và diễn biến của vụ án nên có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Các Điều 9, 14, 53, 56, 58 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Điểm a, khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Lâm Tấn T với bà Huỳnh Thị N.

2. Về nuôi con: Giao con chung tên Lâm Thị Khả Á, sinh ngày 15/10/2008 (con hiện đang sống chung với ông Lâm Tấn T) cho ông Lâm Tấn T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng.

2.1 Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Lâm Tấn T không yêu cầu, bà Huỳnh Thị N không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

2.2 Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về chia tài sản: Tài sản chung: Không có. Về nợ: Không có.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1 Ông Lâm Tấn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0014857 ngày 23 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

4.2 Bà Huỳnh Thị N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm

5. Báo cho các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Hùng Cường